

DƯƠNG THANH MỪNG\*

## HÒA THƯỢNG TRANG QUẢNG HƯNG VỚI QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG, CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO MIỀN TRUNG VIỆT NAM

*Tóm tắt:* Nghiên cứu được thực hiện dựa trên việc tiếp cận các nguồn tài liệu lưu trữ, các công trình chuyên khảo kể từ khi xuất hiện các lời đề nghị cải cách Phật giáo cho đến trước năm 1945. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, từ năm 1923, ý tưởng về việc chấn hưng, cải cách Phật giáo Việt Nam đã xuất hiện. Sớm nhất là các bài viết của Viên Hoành trên Đông Pháp Thời báo, đến chủ trương thành lập Hội Lục hòa của Hòa thượng Khánh Hòa, kế đến là chương trình chấn chỉnh Phật pháp của Phủ Hối, Huỳnh Thái Cửu, Ngô Trung Tín, Nguyễn Kim Định ở miền Nam; sau đó lan dần ra miền Bắc với các nhân vật như sư ông Tâm Lai, Nguyễn Mạnh Bồng; và cuối cùng là ở miền Trung với vai trò của Hòa thượng Trang Quảng Hưng. Sau hơn 8 năm kiên trì vận động, phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam cuối cùng cũng được thực hiện bởi sự xuất hiện của các tổ chức Phật giáo ở cả ba miền đất nước.

*Từ khóa:* Chấn hưng; Phật giáo; Đà Nẵng; miền Trung; Việt Nam.

### Dẫn nhập

Hòa thượng Trang Quảng Hưng là một nhân vật tiên phong trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung. Tuy nhiên cho đến hiện tại, các thông tin liên quan đến Hòa thượng vẫn còn khá khiêm tốn. Phần lớn các nghiên cứu trước đây mới chỉ đề cập đến cuộc đời, hành trạng của Ngài, còn các dự kiến liên quan đến quá trình vận động chấn hưng, cải cách và cả những hoạt động thực tiễn của Hòa thượng vẫn còn là ẩn số đối với nhiều nhà nghiên cứu. Trên cơ sở các nguồn tài

---

\* Khoa Dân tộc và Tôn giáo, Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng.

Ngày nhận bài: 14/02/2023; Ngày biên tập: 28/03/2023; Duyệt đăng: 27/06/2023.

liệu đã sưu tầm được, bài viết sẽ tập trung phân tích và làm rõ thêm về tính tiên phong của Hòa thượng Trang Quảng Hưng nói riêng cũng như của các nhà trí thức và các tăng ni, Phật tử Việt Nam nói chung trong quá trình vận động chấn hưng, cải cách Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, nêu bật những đóng góp cụ thể của Hòa thượng đối với quá trình chấn hưng, cải cách Phật giáo ở miền Trung.

### **1. Về sự kiện các nhân vật tiên phong trong quá trình vận động chấn hưng Phật giáo Việt Nam**

Năm 1923 đánh dấu sự mở đầu cho các ý tưởng chấn hưng, cải cách Phật giáo Việt Nam. Trong năm này, có các sự kiện quan trọng diễn ra cần được lưu ý.

Đầu tiên là loạt bài “Lược khảo về cách tu trong Phật giáo” của Viên Hoành (Hồ Văn Hiến, 1900 - 1957) đăng trên *Đông Pháp Thời báo* từ ngày 5 đến 12/10/1923. Các bài viết của ông tập trung vào các vấn đề như: Bỏ đạo mà không hiểu đạo (số 59), đẳng cấp (số 60), trường kỳ, trường hương (số 61, 62). Theo Viên Hoành, sở dĩ Phật giáo Việt Nam suy yếu là bởi: thiếu một ngôi vị Pháp chủ, kinh sách chưa được dịch sang chữ Quốc ngữ; tăng ni, Phật tử không am tường đạo lý. Để khắc phục những hạn chế đang gặp phải, ông kêu gọi các bậc tôn túc nên tổ chức dịch thuật và phổ biến rộng rãi kinh sách Phật giáo; đồng thời, phải chỉnh đốn hàng ngũ tăng sĩ “cho rành rẽ thì dầu bực thượng trí cũng không kích bác được” [Viên Hoành, 1923: 1]. Các yêu cầu chỉnh lý giới tăng sĩ được Viên Hoành đề xuất gồm: 1) Đối với tỷ kheo muốn lên Giáo thọ phải tiếp tục tham dự trường kỳ để hội đồng khảo lược về trình độ Phật pháp và đức hạnh trong 8 ngày. Nếu đạt được các tiêu chí, chư vị chứng minh cùng các bậc tôn chứng trong trường kỳ sẽ ký tên công nhận. 2) Giáo thọ muốn lên Yết ma cũng phải thực hiện các yêu cầu tương tự như trên. 3) Yết ma muốn lên Hòa thượng phải khai trường kỳ ngay tại chùa đang trụ trì và chịu toàn bộ kinh phí; phải tham gia vào ban chứng minh trường kỳ cùng chư vị hòa thượng và các bậc tôn chứng. Sau đó, chư vị này cũng sẽ xem xét giới hạnh, trình độ để công nhận. Trong Phật giáo, các vị hòa thượng sẽ là người giữ quyền hành lớn nhất, có quyền xử lý vi phạm của tăng ni, Phật tử trong sơn môn, hệ phái. Lỗi nhẹ phải sám hối, lỗi

nặng trục xuất ra khỏi chùa và xóa bỏ hết phẩm trật, dù là giáo thọ, yết ma hay hòa thượng [Viên Hoành, 1923: 1]. Như vậy, dù không trực tiếp đề cập đến cụm từ chân hưng, song các vấn đề mà Viên Hoành nêu ra đã trực tiếp xoáy sâu vào các yêu cầu bức thiết của Phật giáo Việt Nam lúc này. Đồng thời, bài viết có tính tiên phong của ông đã mở ra một diễn đàn mới để các nhà trí thức, các tăng ni, Phật tử, những người mến mộ Phật giáo cùng nhau trao đổi, thảo luận về những ưu điểm và những hạn chế mà Phật giáo Việt Nam cần sớm khắc phục.

Ngày 19/9/1923 (tức ngày 28/10/1923) chùa Long Hòa, Tiểu Cần, Trà Vinh tổ chức lễ kị. Nhân dịp này, Hòa thượng Khánh Hòa vận động các bậc tôn túc khắp miền Tiền Giang và Hậu Giang về dự lễ, đồng thời họp bàn thành lập Hội Lục hòa Liên xã. Kết quả là chư vị hòa thượng có mặt trong buổi lễ, như: Huệ Quang, Trí Thiên, Từ Phong, Chánh Quả, An Lạc, Huệ Định, Diệu Pháp,... đã đồng ý với ý tưởng của Hòa thượng Khánh Hòa. Trong một bài viết đăng trên *Tạp chí Duy Tâm Phật học*, Hòa thượng Khánh Hòa khẳng định: “Nguyên năm 1923, ngày 19 tháng 9, nhân ngày lễ kị chùa Long Hòa, Tiểu Cần, mời hết chư sơn miền Tiền Giang, Hậu Giang về dự lễ đồng thời bàn định việc thành lập Hội Lục hòa, đạu một số tiền cho người Hội chủ là Cai tổng Nguyễn Văn Nhiêu giữ gìn để giúp cho các hội viên trong lúc lâm chung, hoặc lễ kị, lập mà thù tạc cùng nhau giữ mối liên hệ thêm khăng khít, hầu nhắc nhở việc tu hành” [Khánh Hòa, 1937: 229-232]. Sau khi bàn luận xong, các thành viên cùng nhau xây dựng chương trình hành động, đồng thời, đóng góp tiền quỹ (30 đồng/chùa)<sup>1</sup>. Số tiền đóng góp được sẽ luân chuyển đến các chùa để tổ chức ngày kị Tổ sư Huệ Viễn - người sáng lập mô hình Liên xã niệm Phật viên tịch (6/8 âm lịch hàng năm). Sau cuộc họp này, Hội Lục hòa bắt đầu trích tiền quỹ cho các chùa tổ chức lễ kị. Bắt đầu từ chùa Khánh Hòa 20 đồng rồi đến chùa Vạn Cổ 20 đồng, chùa Tiên Linh 20 đồng, chùa Bình An 20 đồng. Trụ trì chùa Phước Châu viên tịch cũng được Hội chi 20 đồng. Theo quy định thì mỗi chùa tham gia vào Hội sẽ phải đóng 30 đồng và trong vòng 3 năm phải đóng đủ (chùa nào đóng luôn một lần càng tốt). Đến năm thứ ba thì không có chùa nào

đóng nữa, thành thử Hòa thượng Khánh Hòa phải gửi thư mời các bậc tôn túc đến nhóm họp để giải quyết tình hình<sup>2</sup>. Hội Lục hòa Liên xã cũng từ đó mà giải thể.

Theo sau các hoạt động trên là loạt bài “Phật giáo lược khảo”, do Ban biên tập *Đông Pháp Thời báo* biên soạn và đăng tải (từ số 70 đến số 98, ngày 05/11/1923 đến 18/01/1924). Dù không trực tiếp đề cập đến vấn đề chấn hưng, cải cách Phật giáo nhưng các bài viết này đã có tác động lớn đến nhiều nhà trí thức, quan chức lẫn tăng ni, Phật tử đương thời. Đúng 5 ngày sau (10/11/1923), Huyện hàm Huỳnh Thái Cửu đã có bài viết nhằm bày tỏ sự đồng thuận đối với các quan điểm mà *Đông Pháp Thời báo* nêu ra, đồng thời nêu rõ vai trò của Tri huyện là ông Phủ Hối đối với Phật giáo Nam Bộ lúc bấy giờ. Cụ thể, ông Phủ Hối với lòng mộ đạo của mình đã cho xây dựng chùa Phước Thanh Tự tại ấp Mỹ Cẩm, làng Thuận Mỹ, Cầu Ngang, Trà Vinh với tổng kinh phí 15.000 đồng (hàng tháng phụ cấp thêm 15 đồng cho các hoạt động của chùa). Ngôi chùa này có diện tích một mẫu, với thiết kế là 8 nóc bao gồm cả nhà bếp lẫn chính điện. Ngoài ra, ông còn cúng 200 đồng cho chùa Phật Cây Quăn ở làng Mỹ Quý, tổng Bình Trị hạ (Trà Vinh) để sửa chữa chính điện; 300 đồng để xây chùa ở làng Mỹ Sơn, tổng Minh Lý (Bến Tre); 200 đồng sửa chữa chùa Long Phước, ấp Thanh Lệ, làng Long Đức (Trà Vinh) [Huỳnh Thái Cửu, 1923: 2]...

Ngày 26/11/1923 (âm lịch), nhân dịp lễ an vị Phật tại chùa Phước Thanh (Cầu Ngang, Trà Vinh), ông Phủ Hối đã mời Chủ quận Tô Ngọc Đường, Cai tổng Huỳnh Thái Cửu ở Trà Cú (năm 1925 mới được bổ nhiệm làm Phủ hàm), Cai tổng Tỉnh ở Ất Ếch, Chánh tổng Bình Hòa là Ngô Trung Tín, Tổng lý kiêm Chủ bút *Đông Pháp Thời báo* là Nguyễn Kim Định cùng 4 vị hòa thượng là Hoàng Nghĩa chùa Giác Viên; Thanh Ân chùa Từ Ân (ở Chợ Lớn); Từ Văn chùa Hội Khánh, Thủ Dầu Một; Bửu Chung chùa Phước Long, Cái Tàu đến tham dự. Mục đích trước là tổ chức lễ, sau bàn chuyện đạo. Sau phần lễ an vị Phật, đại diện cho nhóm quan chức, trí thức, Ngô Trung Tín có lời phát biểu. Ông đã thẳng thắn chỉ ra các sai phạm trong cách hành lễ, trong cách ăn mặc, sinh hoạt của tăng chúng cũng như những hạn chế từ các buổi thuyết pháp của chư tôn. Ngô Trung Tín khẳng

định, việc quan Phủ Hối mời ông cùng các nhà trí thức đến luận đàm cùng chư vị hòa thượng là để tìm kiếm phương thức “chấn chỉnh mỗi đạo” [T.V, 1924: 2]. Các ý tưởng chấn hưng, cải cách do nhóm Ngô Trung Tín đưa ra gồm: 1) Tổ chức sưu tầm, dịch thuật kinh sách Phật giáo từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ cho nhân dân xem để hiểu rõ hơn về giáo lý nhà Phật. 2) Ban hành quy tắc sinh hoạt trong tăng chúng và cấu trúc lại các sơn môn, hệ phái cho thực sự thống nhất. 3) Định rõ trách nhiệm, quyền hạn và phẩm phục của các vị tăng già. Các vị giáo thọ, yết ma, hòa thượng sẽ có phẩm phục riêng để làm dấu hiệu nhận biết; đồng thời, ngoài trách nhiệm đối với sơn môn, tổ đình, họ còn phải tham gia giám sát cách thức sinh hoạt của tăng chúng trong toàn vùng. 4) Xây dựng khung hình phạt thích hợp cho các trường hợp vi phạm giới luật. 5) Tổ chức một cuộc pháp hội lớn trong toàn miền (đại giới đàn, trường kì), để các tăng sĩ cùng nhau thảo luận, thống nhất giới luật; đồng thời, suy cử một vị hòa thượng lên ngôi vị Quốc sư (Pháp chủ). Chương trình “chấn chỉnh mỗi đạo” nhanh chóng được các vị hòa thượng tán thành và do đó, các thành viên tiến hành phân công nhiệm vụ để cùng thực hiện. Cụ thể, đối với vấn đề dịch thuật kinh sách Phật giáo sang chữ Quốc ngữ sẽ do Ngô Trung Tín và Nguyễn Kim Định phụ trách. Vấn đề phổ biến chương trình chấn hưng, cải cách Phật giáo cho tăng ni, Phật tử trong toàn miền Nam sẽ do 4 vị hòa thượng phụ trách. Còn vấn đề chuẩn bị kinh phí khai trường kỳ, suy tôn ngôi vị Quốc sư, in ấn, phát hành kinh sách sẽ giao cho quan Phủ Hối.

Như vậy, hội nghị nêu trên không có sự có mặt của Hòa thượng Khánh Hòa. Trong “Tự trần”, Hòa thượng Khánh Hòa cũng đã làm rõ vấn đề này: “Độ trước tôi đã nghe Hòa thượng Giác Viên (Chợ Lớn), cùng các vị đại đức có quang giáng Cầu Ngang, có các vị Đàn Việt viên quan yêu cầu sửa đạo, đến nay (tức năm 1926 - TG) đã hẹn lâu mà vẫn còn im lặng như tờ” [Khánh Hòa, 1929: 17-20].

Cũng trong năm 1923, sư Thiện Chiếu được Trần Nguyên Chấn mời về làm trụ trì chùa Linh Sơn. Đến năm 1925, sư Thiện Chiếu an cư kiết hạ tại chùa Chúc Thọ, Biên Hòa và nhân đó đã đề xuất ý tưởng về việc thành lập “Phật giáo Thanh niên học hội”. Mục đích là đào tạo

các tăng ni sinh thành tài để gánh vác trách nhiệm hộ trì chánh pháp. Để đạt được mục đích này, Phật giáo Thanh niên học Hội sẽ triển khai 8 hoạt động chủ yếu sau: 1) Lập Phật học báo quán (tòa soạn báo chí); 2) Lập Phật học viện; 3) Tổ chức một cuộc điều tra về tình hình sinh hoạt của các chùa ở trong cả nước. Từ đó, kết nối liên lạc giữa các chùa, các Phật tử để tổ chức các hoạt động Phật sự cho được thống nhất; 4) Loại bỏ các hoạt động không đúng với mục đích, tôn chỉ của Phật giáo; 5) Nghiên cứu và làm rõ vai trò của các vị cao tăng trong lịch sử để kích thích tinh thần tu học trong tăng chúng; 6) Tổ chức các buổi sát hạch, khảo thí về Quốc ngữ, Pháp văn, Hán văn và cả các triết thuyết Đông - Tây để bổ nhiệm chức vị trụ trì cho các chùa; 7) Tổ chức các hoạt động chuyên về thực nghiệp; 8) Chọn các tăng ni sinh xuất sắc gửi đi du học ở các nước, như: Nhật Bản, Ấn Độ, Thái Lan, Tây Tạng [Huệ Thanh, 1929: 33-36]...

Tháng 7/1926, chùa Long Phước, Trà Vinh mãn khóa hạ, cư sĩ Huỳnh Thái Cửu mời chư tôn đức đến thăm nhà tại Trà Sát. Qua bài tác bạch, ông đã khái quát hiện tượng chư tăng suy đồi đạo đức và đề nghị thành lập Phật giáo Hội để khởi xướng phong trào nghiên cứu giáo lý, chỉnh đốn tăng già. Sự kiện này được *Tạp chí Duy Tâm Phật học*, số 12 ghi lại như sau: “Ông Huỳnh Thái Cửu đã hợp tác với các ngài hòa thượng An Nam để chỉnh lý tăng đồ và xướng minh Phật giáo, vì ông là người thâm hiểu giáo lý Phật thừa. Ông biết đạo Phật là một đạo rất siêu việt mà tăng đồ lại thất học, làm việc mê tín nên đạo Phật ngày nay hóa ra tà thần, đạo đốt giấy, đốt kho nên thừa lúc mãn kì hạ lạp tại chùa Long Phước, Trà Vinh hồi năm 1926, ông và các vị hòa thượng qua nhà ông tại Trà Sát để thiết đãi thời trai rồi ông yêu cầu các vị đại đức nên sửa đạo. Bài văn ông đọc kêu ca thảm thiết, làm cho các vị đại đức mũi lòng cảm động. Từ đây cái thuyết Phật giáo Hội mới manh nha trong lòng các nhà đại đức và Hòa thượng Lê Khánh Hòa mới hết lòng chủ động” [Hội Lương Xuyên Phật học, 1936: 711-714].

Sang tháng 8/1926, chùa Long Phước khai trường gia giáo, vấn đề “sửa đạo” lại được tiếp tục đưa ra bàn luận. Hòa thượng Huệ Quang đã thúc giục Hòa thượng Khánh Hòa nên sớm thực hiện những lời đề

ngộ của cư sĩ Huỳnh Thái Cửu. Trong “Tự trần”, Hòa thượng Khánh Hòa viết: “Năm Bính Dần báo hạ, tôi vào ngôi giảng tịch tại chùa Long Phước, Trà Vinh, chín tuần đã mãn, tình cờ có quan huyện hàm Huỳnh Thái Cửu với các vị hòa thượng sang nhà ông. Tôi hiệp cùng đi, khi ông thiết đãi thời chay rồi ông lại đọc một bài diễn văn yêu cầu sửa đạo. Bài diễn văn ông nghe kêu ca thảm thiết, làm cho công chúng bất giác phải cảm kích mà động lòng... Kê tháng 8, tôi sang Long Phước một lần nữa hầu ngài chủ tọa gia giáo. Bấy giờ có thầy sa môn Huệ Quang ở chùa Long Hòa bảo tôi nên chủ động thực hiện yêu cầu của quan huyện. Tôi té tâm trừ nghĩ... Muốn truyền bá tư tưởng Phật giáo thì cần nhất các nhà học giả nên hợp tác cùng nhau, chung cùng tư phù cất nhà thư xã tỉnh ba tạng kinh để đồng tâm nghiên cứu, rồi diễn dịch ra chữ Quốc ngữ, phổ biến trong thiên hạ, khiến cho mọi người xem, đọc đều hiểu được pháp luật nhà đạo, ai làm trái thì chừa, ai làm phải thì theo. Kê giả đồ kia cải nghiệp thì Phật giáo mới hưng thịnh được. Còn một bên thì lập trường Phật học, cho học sinh tấn nghiệp luôn luôn. Học cho thông ngữ giáo tam thừa, rồi ra nhận lấy trách nhiệm trụ trì cho kiêm toàn phước huệ, hầu xiển dương diệu pháp thì mới trong mong tăng chúng được tinh tấn” [Khánh Hòa, 1929: 17-20]... Dù được động viên, khích lệ và cũng đã nêu ra các ý tưởng chấn hưng, cải cách Phật giáo cụ thể, nhưng vì bi quan trước tình thần hợp tác của các tăng ni, Phật tử nên Hòa thượng Khánh Hòa đã chọn cách “lui về thôn già”. Phải đến đầu năm 1927, khi gặp được sư Thiện Chiếu, đọc được chương trình chấn hưng của Hội Phật giáo Trung Hoa và nhận được sự khích lệ của chư tôn đức ở Trung Kỳ và Nam Kỳ thì Hòa thượng Khánh Hòa mới đẩy mạnh cuộc hành trình vận động “Tòng lâm Phật giáo hội”.

Ngày 05/01/1927, nhà báo Nguyễn Quân Mục Tiên (bút danh Miên Tục) công bố bài viết “Nên chấn hưng Phật giáo nước nhà” đăng trên *Đông Pháp Thời báo*, số 529, ra ngày 05/01/1927. Ông kêu gọi các nhà thức giả trong nước cần mở một cuộc điều tra về tình hình Phật giáo. Từ đó, chấn chỉnh, sửa đổi các sai phạm để xây dựng một tâm thế phát triển mới cho Phật giáo [Nguyễn Mục Tiên, 1927: 1]. Bài viết của Nguyễn Mục Tiên có tác động rất lớn đến nhiều nhà

trí thức lẫn các tăng ni, Phật tử trong Nam cũng như ngoài Bắc. Từ đây, xuất hiện một “ làn sóng ” mới về việc vận động chấn hưng, cải cách Phật giáo trên các diễn đàn báo chí. Cũng do vậy mà nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng chính Nguyễn Mục Tiên và Huỳnh Thái Cửu là những nhân vật tiên phong trong quá trình vận động chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

Tuy nhiên, những thông tin nêu trên cho thấy, các ý tưởng chấn hưng, cải cách Phật giáo Việt Nam được bắt đầu từ năm 1923, gắn với nỗ lực của Viên Hoành, Phủ Hàm, Huỳnh Thái Cửu, Ngô Trung Tín, Nguyễn Kim Định cùng chư vị Hòa thượng Khánh Hòa, Hoàng Nghĩa, Thanh Ân, Từ Văn, Bửu Chung... Những chuyển động bước đầu này đã dần lan tỏa đến nhiều tăng ni, Phật tử, các nhà trí thức mến mộ Phật giáo, như: Nguyễn Mục Tiên, Thiện Chiếu [Thiện Chiếu, 1927: 1], Thiện Tông [Thiện Tông, 1927: 1],... ở trong Nam, sư ông Tâm Lai [Tiên Lữ Đông Tự, 1927], Nguyễn Mạnh Bồng [Nguyễn Mạnh Bồng, 1927: 1],... ở miền Bắc và Hòa thượng Trang Quảng Hưng ở miền Trung. Cũng cần phải nói thêm về vai trò của *Đông Pháp Thời báo* trong những ngày đầu vận động chấn hưng này. Chính nhờ sự quan tâm của tòa soạn mà các bài báo nêu trên được đăng tải. Từ đó, đã tạo ra được những ảnh hưởng nhất định đối với các học giả, các nhà trí thức, đến giới tăng sĩ trong cả nước, khơi gợi lên trong họ các ý tưởng chấn hưng, cải cách Phật giáo ngày càng mạnh mẽ hơn.

## **2. Hòa thượng Trang Quảng Hưng với quá trình chấn hưng, cải cách Phật giáo miền Trung**

*Khái quát cuộc đời và hành trạng của Hòa thượng Trang Quảng Hưng*

Hòa thượng Trang Quảng Hưng, thế danh Trang Văn Trí, sinh ngày 04/04/1893, tại làng Cẩm Phô, Hội An, Quảng Nam. Thân phụ là ông Trang Văn Lư, pháp danh Chơn Hương và thân mẫu là bà Nguyễn Thị Chút, pháp danh Chơn Xuân. Năm 13 tuổi, Ngài chính thức xuất gia tại chùa Tam Thai (Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng) và được Hòa thượng Phước Trí (1867-1932) ban pháp danh Như Tiến. Năm 1906, Ngài được bốn sư cho thọ giới Sa di tại chùa Từ Quang (Phú Yên) do Hòa thượng Chơn Chánh - Pháp Tạng làm Đàn đầu.

Mặc dù tuổi còn trẻ nhưng ngay từ năm 1909, Ngài được các thân hào làng Hải Châu, Đà Nẵng cung thỉnh làm Trị sự chùa sắc tứ Phước Hải. Năm sau, Ngài được đăng đàn thọ giới Cụ túc với Hòa thượng Vĩnh Gia tại chùa Phước Lâm, Hội An. Năm 1911, Ngài được mời về làm trụ trì chùa Thạch Châu, xã Thạch Thang, Đà Nẵng. Năm 1913, Ngài cầu pháp với Hòa thượng Chơn Nhẫn - Phước Điền (chùa Ngự Kiến, Vĩnh An, Duy Xuyên, Quảng Nam) và được ban pháp hiệu Quảng Hưng. Cũng trong năm này, Ngài xin bổn sư vào Nam tham cầu Phật pháp [Thích Như Tịnh, 2008: 279-288].

Năm 1919, Hòa thượng Tịnh Hạnh khai đại giới đàn tại chùa Thiên Lâm (Phan Thiết, Bình Thuận), Ngài được cung thỉnh làm Thống sự kiêm Thư kí. Sau khi giới đàn hoàn tất, Ngài đến chùa Linh Sơn Cổ Thạch nhập thất tịnh tu. Tháng 9/1921, Ngài vào Gia Định, sau đó, làm đơn xin lập chùa Thiên Ân tại thôn Chí Hòa. Trong thời gian này, Hòa thượng Diệu Đại (trụ trì chùa Tịnh Độ, Tân Sơn Nhất) khai đại giới đàn đã cung thỉnh Ngài làm Đệ nhị Tôn chứng. Năm 1922, Ngài trở về Quảng Nam kiến lập bảo tháp của Hòa thượng Phước Điền đã viên tịch trước đó. Trong gia phả họ Trang, Ngài viết: “Đến tháng 5 năm Nhâm Tuất niên hiệu Khải Định thứ 7 (1922), tôi 30 tuổi lại trở về bổn tỉnh, làm đơn trình huyện Hòa Vang xin dựng tháp bổn sư là Phước Điền giác linh. Tôi cũng làm đơn bẩm Chánh Công sứ đại thân tòa Đà Nẵng xin lập chùa hiệu là Từ Vân và nhập tịch vào sổ đình xã Thạch Gián. Tháng 10 có đơn khánh thành, thiết đại lễ cầu cho các tướng sĩ mộ binh người Nam và đúc một quả đại hồng chung bằng đồng nặng 112 cân. Đến ngày 13/12, quý Sứ tòa của bổn tỉnh sức khai lí lịch tu hành” [Đình Thị Toan, 2016: 12-15].

Ngày 15/02/1926, Hòa thượng Phổ Tế trụ trì chùa Tân Long (Cao Lãnh, Sa Đéc) khai Đại giới đàn và đã cung thỉnh Ngài làm Đệ nhất Tôn chứng. Uy tín và đạo hạnh của Ngài ảnh hưởng rất lớn không những đối với các tầng ni, Phật tử miền Trung, miền Nam mà còn đối với chính phủ Nam triều và cả chính quyền thuộc địa Pháp. Do đó, chỉ sau 5 năm khai sơn, chùa Từ Vân đã được triều đình Huế ban biển ngạch Sắc Tứ (19/01/1927). Đồng thời, Đốc lý thành phố Đà Nẵng cũng đã ký quyết định cho phép Ngài mở trường học ngay tại chùa.

Ngày 18/2/1928, Ngài làm đơn trình Tỉnh toà xin mở trường Hương. Đến tháng 6 lại xin mở giới đàn và cung thỉnh Hoà thượng Phước Trí (chùa Linh Ứng, Đà Nẵng) làm đàn đầu, Hoà thượng Lê Phước Thông (chùa Tam Thai, Đà Nẵng) làm Yết ma, Hoà thượng Lê Phổ Minh (chùa Phước Lâm, Đà Nẵng) làm Giáo trì, Hoà thượng Thích Thiện Quả (chùa Chúc Thánh, Đà Nẵng) làm Đệ nhất Tôn chứng, Hoà thượng Chơn Bồn - Phước Khánh làm Đệ tứ Tôn chứng, cùng với sự tham gia của 10 vị sư ở hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên.

Ngày 09/11/1933, Ngài được triều đình sắc tứ Tăng Cang, ban cho giới đao độ điệp. Năm 1935, lại được Thống đốc Nam Kỳ cấp bằng Y khoa bào chế. Trong những năm 1938 - 1939, Ngài được mời tham gia nhiều giới đàn với các cương vị khác nhau như, làm Chánh Chủ kì tại giới đàn chùa Phước Long (Châu Thành, Mỹ Tho, ngày 16/01/1938), chùa Phước Hựu (tổng Hòa Đồng Trung, Gò Công, ngày 15/02/1938), chùa Thiền Lâm (Phan Thiết, Bình Thuận, ngày 09/9/1938) và chùa Linh Sơn Trường Thọ (Hàm Tân, ngày 22/01/1939); làm Tuyên Luật sư tại giới đàn chùa Linh Bảo (Tân Thái, Quảng Nam, tháng 4/1938), làm Chánh Chủ sự tại giới đàn chùa Long Thạnh (Bình Điền, Mỹ Tho, ngày 09/02/1939).

Sau những năm tháng công hiến không mệt mỏi cho Đạo pháp, Hoà thượng Trang Quảng Hưng đã viên tịch tại chùa Pháp Bảo, Phan Thiết (do Ngài kiến lập) vào ngày 17/12/1946.

#### *Quá trình vận động và thực hiện chấn hưng Phật giáo của Hòa thượng Trang Quảng Hưng*

Hoạt động chấn hưng Phật giáo của Hòa thượng Trang Quảng Hưng được khởi sự từ việc mở trường đào tạo học tăng. Ngày 15/8/1927, Hòa thượng gửi đơn thư đến Đốc lý Đà Nẵng là Galtie để xin mở một ngôi trường tại chùa Từ Vân, Đà Nẵng lấy tên là “Phật học giáo dục”. Bức thư có đoạn viết: “Bẩm quan lớn Công sứ Tourane. Chùa tôi xin phép cho mấy thầy nhỏ ở chùa được học kinh Phật bằng chữ Quốc ngữ và chữ Tàu, học tập theo đạo Phật, lúc cúng kinh đàn, kèn trống có giảng kinh cho mấy thầy cùng bồng đạo nghe. Dịch kinh Tàu ra chữ Quốc ngữ và bố thí cho kẻ nghèo đến ăn học hoặc người nào có cúng tiền vào trong chùa theo sự học ấy cũng được

phép dùng. Các trò nào đã đến học mà không giữ đủ phép thì tôi xin bẩm ngay cho quan lớn xét” [Trang Quảng Hưng, 1930: 6]. Gia phả họ Trang cũng đề cập đến sự kiện này như sau: “Ngày 13/8/1927, có mưa xuống. ngày 24 tháng này, bàn bạc xin mở trường giáo dục Phật học, bố thí cho con trẻ được theo học. Đến ngày 19/11/1927, có thư của Khâm sứ Trung Kỳ thưởng bội tinh hạng hai kèm theo tờ văn sao lục” [Đinh Thị Toan, 2016: 12-15].

Báo Đông Pháp, ra ngày 28/11/1927 đưa tin, ông chủ chùa Từ Vân ở Đà Nẵng là Trang Quảng Hưng vừa đứng ra vận động thành lập Phật học giáo dục trường. Mục đích là diễn dịch kinh sách Phật giáo ra chữ Quốc ngữ để dạy môn đồ và trẻ em nghèo. Đốc lý thành phố Đà Nẵng đã chuẩn y đơn thư và hiện tại trường đã đi vào hoạt động. Ở Việt Nam ta, trong dân gian có khá nhiều ngôi chùa mà chỉ dừng lại ở mức hương hỏa, xôi, oản, cầu nguyện, cúng vái; đem những món tiền hữu dụng mà làm việc vô ích, làm cho chất lượng Phật giáo ngày càng đi xuống, trách sao không suy yếu cho được. Việc chùa Từ Vân mở được một ngôi trường, tuy chưa biết được kết quả ra sao. Song nghe bốn chữ “Phật học giáo dục” cũng đủ làm một tiếng chuông cảnh tỉnh cho những nơi khác nơi theo [Đông Pháp, 1927: 1].

Còn ký giả Trần Văn Bích lại có đánh giá: Ở Quảng Nam - Đà Nẵng hiện có nhiều ngôi chùa như Tam Thai, Linh Ứng, Từ Quang, Phổ Thiên, Bửu Nghiêm, Thạch Châu, Long Tuyền, Chúc Thánh, Phước Lâm, Vu Lan. Các chùa ấy tuy đã thành lập từ lâu nhưng không thấy có ai thành tâm lo lắng chuyện đạo để cửa thiền tỏ rạng về sau. Mới đây nghe tin ở Đà Nẵng có chùa Từ Vân thành lập từ năm 1922 của ông chủ tự là Trang Quảng Hưng đem lòng nhiệt thành để chấn hưng Phật học mong sao cho Phật giáo ngày kia sẽ được mở mang, phát đạt. Tôi liền tìm tới và thấy rằng, ngôi chùa ấy tòa rộng, đất dài, giữa treo biển vàng khắc mấy chữ Sắc tứ Từ Vân tự, các tượng Phật đều thiếp vàng, còn ngai, khám, bàn tịnh, đồ thờ phụng trong ngoài đều rực rỡ không sao miêu tả hết. Phía trái chùa là nhà ở và nhà trụ thất; bên phải là “Phật học giáo dục Trường”; có vài ba thầy giáo và khoảng mấy chục học trò đang say sưa học tập. Cách giảng dạy, học tập đều theo thể thức của các trường Pháp - Việt, có bàn, ghế, trống, tù

đầy đủ cả. Sách giáo khoa phần lớn đều dùng các loại kinh sách của nhà Phật. Chùa lại còn mở thêm trường hạ, bổn đạo các nơi đều tụ về đây nghe kinh, niệm Phật [Trần Văn Bích, 1928: 8].

Song song với việc mở trường, mở lớp, Hòa thượng Trang Quảng Hưng cũng đã vân du vào Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ vừa để tham gia sinh hoạt Phật sự, vừa để tìm kiếm những người bạn cùng chí hướng, ủng hộ cả về mặt vật chất lẫn tinh thần cho những dự định, áp ủ lớn lao của mình. Nhận thấy Hòa thượng là gương mặt tiêu biểu trong các hoạt động vận động, cải cách Phật giáo ở miền Trung, nên khi vừa đến Sài Gòn, phóng viên báo Đông Pháp đã chủ động tìm gặp để cùng trao đổi thêm về các câu chuyện trong nhà thiền. Ngoài việc đưa ra ý kiến đối với chương trình chấn hưng, cải cách của các tăng ni, Phật tử và các nhà trí thức đã đăng tải trên báo chí đương thời, Hoà thượng Trang Quảng Hưng còn bày tỏ quan điểm riêng của mình về vấn đề này. Theo Hoà thượng, muốn chấn hưng Phật giáo thì phải bắt đầu từ việc thành lập trường học, dạy chữ chữ Quốc ngữ, chữ Hán, dịch thuật kinh sách để làm tài liệu nghiên cứu, tu học và phổ biến trong xã hội. Quan điểm này sau đó đã được báo Đông Pháp, số 455, ra ngày 17/12/1927 đăng tải như sau: “1/Làm trường học tại chùa, rước thầy giáo đến dạy các đạo nhỏ. Trước phải học hai buổi công phu sớm khuya và bốn cuốn luật của nhà chùa (tì ni, sa di, oai nghi, kinh sách). Sự học này toàn bằng chữ Quốc ngữ cả. 2/Nuôi người nghèo khổ ăn học cho biết hai thứ chữ Tàu và chữ Quốc ngữ. 3/Dịch kinh Phật ra chữ Quốc ngữ. Trước phải tìm kiếm các bài thơ ca, truyện giảng trong nhà Phật của các bậc tiền bối để lại, đem dịch ra Quốc văn cho bá tánh biết tích lớp mà tu hành. Sau sẽ thỉnh các vị cao tăng bác học dịch Đại tạng chư kinh để truyền bá cho người hữu tâm, rõ nghĩa “Từ bi vô thượng” của đức Như Lai” [Trang Quảng Hưng, 1927: 1].

Trong chuyến đi vào Nam lần này, Hòa thượng Trang Quảng Hưng đã đến thăm Hòa thượng Tâm Thông, chùa Trường Thọ, Gia Định và Hòa thượng Thiện Tông chùa Trường Thạnh, Sài Gòn cùng sư Thiện Chiếu ở chùa Linh Sơn. Sau đó các nhân vật này cùng nhau đến chùa Giác Hải, Chợ Lớn để trao đổi về chương trình chấn hưng, cải cách Phật giáo mà Hòa thượng Trang Quảng Hưng đã xây dựng. Lộ trình

chấn hưng được Hòa thượng Trang Quảng Hưng nêu ra như sau: Trước tiên, phải tăng cường giảng dạy chữ Quốc ngữ cho môn đồ trong các chùa. Đây sẽ là đội ngũ chủ lực để dịch thuật và phổ biến kinh sách Phật giáo đến với quần chúng. Tiếp đến phải giúp đỡ con em các gia đình có hoàn cảnh khó khăn biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ và chữ Hán để phát huy tinh thần từ bi, cứu khổ của nhà Phật. Cạnh đó, các bậc tăng già đạo cao, đức trọng sẽ tập trung sức lực dịch thuật, chú giải kinh, luật, luận của Phật giáo để cho tín đồ sớm hiểu được Phật lí. Sau khi đã thực hiện được các hoạt động trên, sẽ tiếp tục làm đơn gửi chính quyền thuộc địa để thực hiện thêm 3 hoạt động khác: 1/Lập một ngôi trường chuyên biệt cho các tăng ni, Phật tử đến nghiên cứu, diễn giải kinh, luật, luận. 2/In ấn đại tạng kinh Phật giáo để phổ biến. 3/Xây dựng các cơ sở y tế để khám, chữa bệnh miễn phí cho những người khó khăn. Theo mô tả của Hòa thượng Trang Quảng Hưng thì các vị tham dự đều đồng tình với kế hoạch mà Ngài đưa ra. Đặc biệt, Hòa thượng Từ Phong, chùa Giác Hải, Chợ Lớn còn nhiệt tâm tán trợ trước một phần kinh phí và hứa sẵn sàng ủng hộ các hoạt động [Trang Quảng Hưng, 1928: 1].

Đến cuối tháng 1/1928, Hòa thượng Trang Quảng Hưng tiếp tục có bài viết để nêu rõ hơn quan điểm chấn hưng của mình. Theo Hòa thượng, việc dịch kinh, luật, luận Phật giáo ra chữ Quốc ngữ để cho những người thực hành theo giáo lý nhà Phật hiểu rõ nghĩa chơn như, để ăn năn sám hối mà tránh khỏi mê tín, dị đoan; còn trẻ em sẽ dựa vào đức tính từ bi của đức Phật để rèn luyện phẩm hạnh cho nên người. Đã là tín đồ nhà Phật nếu không tề độ, thực hành hạnh bố thí thì không thể gọi là tín bái, quy y. Do đó, phải lập trường nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh khó khăn cho biết chữ, dẫu có khờ khạo cũng đủ nhận thức, dẫu có nghịch ngợm cũng hóa thành thuần lương. Trong số những trẻ em này nếu người nào đủ căn cơ, có chí nguyện thì tiếp tục cho tu hành để duy trì ngọn đèn chánh Pháp. Còn những người thiếu minh tâm, kiến tánh thì cho học nghề để tự nuôi sống bản thân và giúp ích cho xã hội. Hàng năm tăng đồ nhà Phật cũng phải an cư, kiết hạ để tu tâm, dưỡng tánh, để trau dồi Phật lực. Từ đó mới định hướng cho tín đồ biết việc phước mà làm, việc tà mà tránh. Bên cạnh

đó, các chùa còn phải lập thêm thư phòng lưu trữ kinh sách Phật giáo để hỗ trợ việc nghiên cứu, tu học, phải có các cơ sở y tế để thăm khám cho người bệnh... Về sự cúng kính, chỉ nên tập trung vào các ngày lễ lớn như 8/4 (Phật đản), 19/2 (Phật Quán Thế Âm), 24/6 (Quan Công hầu), 30/7 (Đức Địa Tạng),... còn các ngày khác thì tùy theo hoàn cảnh, ý nguyện của mỗi chùa mà tổ chức. Đối với những ngày lễ lớn, các chùa nên chia làm hai ngày. Ngày đầu tiên để cho tăng ni, Phật tử, tín đồ đến chiêm bái, lễ Phật và ngày hôm sau trụ trì chùa phải đăng đàn, thuyết pháp nói về ý nghĩa của ngày lễ ấy [Trang Quảng Hưng, 1928: 7].

Cùng với việc kêu gọi tăng ni, Phật tử tham gia chấn hưng Phật pháp, Hoà thượng Trang Quảng Hưng cũng tích cực sưu tầm kinh sách chữ Hán dịch ra chữ Quốc ngữ, đồng thời, chắt lọc các nội dung quan trọng để xây dựng thành các bài giảng. Các công trình được Hoà thượng biên soạn và dùng làm tài liệu giảng dạy trong giai đoạn này có thể kể đến như: “Bác nhĩ tịnh tâm văn”, phát hành lần đầu năm 1927, dung lượng 35 trang [Trang Quảng Hưng, 1930]; “Luật ông thầy chùa”, sách được Tú tài Hàn lâm viện Trần Văn Bích (Quảng Bình) viết lời giới thiệu, sư ông Tâm Lai chùa Bà Đá (Hà Nội) và Finot - Giám đốc Trường Viễn Đông Bác Cổ giám định nội dung. Công trình này biên soạn xong vào năm 1928, có độ dày 216 trang (bao gồm cả phần Hán ngữ và Việt ngữ); “Tịnh độ Khuyến tu”, sách có độ dày 73 trang, biên soạn xong vào năm 1930. Cũng trong năm này, được sự hỗ trợ của vợ chồng chủ kho bạc Đà Nẵng là Hàn Đình Phong, các công trình của Hoà thượng Trang Quảng Hưng đã được nhà in Tiếng Dân, Huế hiệu đính, xuất bản và phát hành rộng rãi trong cả nước.

Ngoài việc đề cập đến giới luật cùng cách thức hành trì của người Phật tử, đọc các tác phẩm của Hoà thượng Trang Quảng Hưng chúng ta sẽ bắt gặp được nhiều thông tin khá quan trọng liên quan đến hoạt động chấn hưng Phật giáo ở miền Trung. Chẳng hạn như “Tịnh độ Khuyến tu” đã đề cập đến những kết quả bước đầu của công tác đào tạo tăng tài tại chùa Sắc tứ Từ Vân như sau: “Mấy năm nay tôi hô hào trên báo chí cũng lắm phen mà hoạ ứng cũng chẳng thấy hiệu

quả gì. Mục đích Phật học ấy cũng là một cơ quan cốt yếu của Phật giáo và cũng có tinh thần có ích cho chúng sinh, đã tu cho mình và cũng phải có lợi cho đạo mới đúng là người thế phát bần sư. Vậy nên tôi cũng hết sức tán tâm, tận lực đào tạo cho trẻ con học xong bốn quyển luật chùa và chữ Quốc văn cũng dùng được. Năm nay chùa tôi cũng cho thi bằng Tiểu học Yếu lược tại trường nhà nước xứ Đà Nẵng gồm có những người sau đây: Nguyễn Văn Chấn, Nguyễn Văn Tồn (14 tuổi) thuộc làng Mĩ Khê, Nguyễn Văn Khi (13 tuổi) và Nguyễn Văn Khuôn (10 tuổi) thuộc làng Xuân Thiều, Nguyễn Văn Thí (14 tuổi) thuộc làng Ngân Hà. Tôi mong sao các học sinh này đều đạt được kết quả tốt để Phật pháp xứ này sẽ được tăng quang. Còn lại bao nhiêu học sinh thì tôi đều cho tới các tỉnh khác học kinh kệ” [Trang Quảng Hưng, 1930: 7-8].

Cũng trong tác phẩm này, Hòa thượng đã nêu lên những ưu tư, trăn trở của mình khi Phật giáo Việt Nam đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức nhưng lại thiếu những tấm lòng thành tâm vì đạo. Cụ thể, dám chắc rằng, phần đông tín đồ đến với Phật giáo là để cầu quả phước cho mình được tai qua, nạn khỏi, được thành thoi, được mạnh khoẻ, được thăng quan tiến chức trên con đường công danh,... chứ ít có ai thật lòng, thật dạ mà đối đãi với cái chủ nghĩa từ bi, bác ái của đức Phật cho tận tâm, tận lực, hoặc nghiên cứu kinh kệ cho đến nơi, đến chốn; hoặc nhất tâm quy ngưỡng Phật giáo cho đến cùng. Lại có những thành phần vì quá say mê trong chốn phồn hoa đô hội mà bỏ quên đi bổn phận tu hành; lại có những người thị phi bài biếm, thích chia rẽ lương tâm, theo đạo này chê bai đạo nọ, đem một mối tơ duyên Phật tuyến xé năm, xé bảy... Thảm thiết thay đước từ bi đã thiếu tay nhen nhóm, thuyền bác nhả không có người quay chèo, đã khổ như thế lại còn thêm ngôn luận thảm binh nên nổi phải hư danh, chưa có thực dụng. Ôi Phật pháp cao dày, người đời khó thấu, từ xưa tới nay ai cũng lầm tưởng rằng làm theo lễ cúng lạy bình thường ắt cũng đủ làm cho Phật giáo được vẻ vang. Đâu có ngờ trái ý Phật pháp mà cũng chẳng theo kinh luật gì cả [Trang Quảng Hưng, 1930: 7-8].

Trước thực trạng đáng buồn như vậy, Hoà thượng Trang Quảng Hưng kêu gọi: “Xin những người có chí biết học hành, cùng những

người chưa biết chữ, trong lúc này mình đã đầu thai làm một thực thể trong xã hội thì đã có tánh linh, cũng nên tỉnh bớt việc chơi bời, đắm mê theo cuộc phong trần, tử sắc, tài khí... Nó thật là sông mê, bể khổ lôi cuốn thân xác ta chìm vào, ngấm vào trăm ngàn vạn kiếp, thoát ra chẳng khỏi. Ta đã có tánh linh chắc chắn sẽ hơn muôn loài, sao lại chẳng biết đến những cái khổ ấy mà kinh sợ hay sao. Cảnh thế gian này là một cảnh khổ làm cho ta mê man theo cái khổ ấy thế thì ta cũng nên lần hồi tìm kiếm cái chí tu niệm đạo đức mà giải thoát khỏi cái mê khổ ấy thử có được không” [Trang Quảng Hưng, 1930: 18-19]. Còn đối với những bậc thiếu niên, nhất là các em học sinh phải cố gắng tu học. Vừa học, vừa tu niệm, vừa thuận thảo, hiếu kính với gia đình sẽ có nhiều lợi ích. Nếu không chịu khó chăm lo học hành thì chẳng những bố mẹ buồn phiền mà khi lớn lên cũng sẽ trở thành những người bất tài trong xã hội. Người nào “hữu chí cánh thành” (có chí thì nên), chăm chỉ học tập, chăm chỉ tu dưỡng, lớn lên sẽ tài đức vẹn toàn. Nếu chỉ là thường dân cũng sẽ là những người nhân nghĩa, thuần lương, còn nếu may mắn có được địa vị trong xã hội thì sẽ công tu liêm chính, một đời thanh liêm. Nếu làm nên được những điều ấy thì chẳng những ông bà, tổ tiên sẽ thêm phần khoái lạc, mà xã hội cũng ngợi ca đó là những con người lương thiện, có giáo dục, có trách nhiệm. Như vậy thì có phải là đáng quý, đáng làm hay không [Trang Quảng Hưng, 1930: 24-25].

Còn trong công trình “Luật ông thầy chùa”, Hoà thượng Trang Quảng Hưng lại nhấn mạnh đến các biện pháp tu tập cùng vai trò của việc trì giới đối với tăng ni, Phật tử. Theo Hoà thượng, bất cứ người tu hành nào cũng phải lấy 5 điều căn bản sau để làm nguồn cội là: 1/Cội chánh tín bền chặt; 2/Cội đạo đức cao đẹp, thuần khiết; 3/Cội tưởng niệm phải ghi lòng; 4/Cội tin cậy hằng giữ; 5/Cội trí tuệ sáng suốt. Đi cùng với 5 điều cội gốc là 5 tinh lực cần phải có cho quá trình tu tập: 1/Bằng sức mình cố gắng rèn luyện nhất định sẽ thành công; 2/Bằng sức mình tu dưỡng đạo đức cho tinh tấn; 3/Bằng sức mình xây dựng nên những nguyện vọng lớn; 4/Bằng sức mình nghiên cứu để thấu hiểu mọi căn cơ, mọi phép nhiệm màu của giáo lí; 5/Bằng sức mình hãy phát huy chủ nghĩa từ bi, cứu khổ để giúp đỡ cho chúng sinh.

Trong khoảng thời gian từ năm 1935 -1936, hoạt động chấn hưng Phật giáo của Hoà thượng Trang Quảng Hưng càng mạnh mẽ cả về chiều sâu lẫn chiều rộng. Ngoài việc tham gia các giới đàn truyền giới, tham gia sinh hoạt Phật sự ở cả miền Trung và miền Nam, Hoà thượng còn tích cực cộng tác đối với các tổ chức Phật giáo đương thời. Tổ chức mà Hoà thượng tham gia tích cực nhất chính là Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học. Thời gian này, Hoà thượng đã củng cố và đưa các quan điểm chấn hưng của mình lên một tầm cao mới. Ngoài việc chăm lo cho công tác giáo dục và đào tạo tăng tài thì việc thành lập một đoàn thể Phật giáo thống nhất, việc đoàn kết tăng ni, Phật tử trong cả nước và đặc biệt là phải đặt phong trào chấn hưng trong mối tương quan với các yêu cầu của sự phát triển xã hội chính là những chủ trương mới của Ngài.

Trước những ý kiến khác nhau về việc có nên hợp nhất các đoàn thể, tổ chức Phật giáo trong cả nước để tiến đến thành lập Phật giáo Tổng hội hay không, Hoà thượng đã chia sẻ quan điểm rằng: Nghe được tin Nam, Trung, Bắc ba kì hiện thời đã tổ chức được nhiều Hội Phật giáo, mục đích là đào tạo tăng tài, xiển dương giáo lí, để bồi đắp nền tảng tư tưởng, tinh thần cho nước nhà và mưu cầu hạnh phúc cho nhân quần xã hội, bản tăng rất lấy làm hoan nghênh, kính phục cái tài, cái lực, cái tâm nguyện siêu quần của các vị. Nhưng thiết nghĩ ngày nay, dù là Việt Nam hay các nước phương Đông, phương Tây cũng đều phải thay đổi quan điểm, cách nhìn và cả phương pháp chấn hưng Phật giáo so với giai đoạn trước đó. Vì trước kia, xã hội thái bình, ổn định, nhân dân được sinh hoạt trong bầu không khí êm đềm, hiền hòa, không biết có thiên tai, nhân họa là gì nên Phật giáo được truyền bá một cách yên bình để bồi đắp thêm tinh thần an vui cho quốc gia, xã tắc. Còn ngày nay là thời đại đầy biến động, nào là bão lụt, thiên tai, nào là chiến tranh, nào là dịch bệnh đã cướp đi sinh mạng của không biết bao nhiêu người. Đó là chưa kể đến sự bài xích, công kích lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc, giữa các cá nhân trong xã hội. Có người nay xướng lên chủ nghĩa này mai lại đề xuất chủ nghĩa khác, làm cho người đời cảm thấy phân tâm, mất phương hướng, không biết đâu là thật, đâu là giả. Có người lại tìm cách bài xích đạo Phật, phê phán Phật giáo như một thứ thần quyền với đầy rẫy những thứ hoang đường, mê tín để làm cho lòng

tín ngưỡng của quần chúng bị xao lãng, không biết đâu là chỗ quy xu. Lại thêm xã hội hiện thời đang phát triển theo con đường khoa học thực nghiệm. Bất cứ vấn đề gì cũng cần phải chứng minh, phải đủ cơ sở thì mới thuyết phục được quần chúng.

Vậy nên muốn thành lập Phật giáo Tổng hội thì các tổ chức phải thống nhất về tư tưởng, cách nghĩ, cách làm; phải có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giữa tuyên truyền và hành động. Nếu không thực hành, không có những hành động thật sự cụ thể thì các tổ chức Phật giáo chẳng những không phát huy được giáo lý của đức Phật mà cũng không thể biểu thị chân thực những câu chuyện mình đang nói, những việc mình đang làm để dìu dắt người đời thoát ra khỏi biển khổ, sông mê được. Để cho người đời thật sự tin tưởng, quý mến đạo Phật thì mỗi tổ chức, mỗi người Phật tử cần phải lấy quan niệm dũ lạc, bạt khổ (đem lại niềm vui, giảm bớt khổ đau) để làm phương châm cho mọi hành động. Bởi theo Hoà thượng: “Các phương pháp dũ lạc, bạt khổ cho chúng sinh trong Phật giáo không thiếu chi cả. Chỉ vì những người chủ trương thành lập Phật giáo Tổng hội không thực hành cái chủ nghĩa đó thôi. Vậy nên xin quý ngài chủ trương Phật giáo Tổng hội ngoài sự đào tạo nhân tài và phổ thông giáo lý cũng nên lập nhà dục anh, sở y viện để tỏ lòng bác ái đối với toàn thể quốc dân và cũng để biểu thị cho người đời hiểu rằng quý ngài đang thực hành chủ nghĩa từ bi của Phật giáo” [Trang Quảng Hưng, 1935: 35-36].

Không chỉ nhiệt tâm vì sự tồn vong của Đạo pháp mà Hoà thượng Trang Quảng Hưng còn tham gia nhập thế một cách tích cực. Điều này được thể hiện rõ qua các sự kiện do Hoà thượng ghi lại như: Tháng 12/1920, nhân dân bị dịch bệnh hoành hành, tôi đã có đơn gửi đến xã Long Hương để phúng kinh cầu an, sau đã yên ổn. Tháng 10/1922, thiết đại lễ cầu an cho các tướng sĩ mộ binh người Nam. Ngày 1/10/1925, trong hạt bị thiên tai, nhân dân bị bệnh mà qua đời, tôi có đơn bẩm xin phúng kinh một tháng, nguyện cho nhân dân được an bình. Ngày 13/7/1927, tỉnh Quảng Nam bị thiên tai đại hạn, ruộng lúa khô cháy, có đơn xin nguyện cầu mưa trong một tháng. Đến ngày 13/8, có mưa xuống... Và khi giữa các tổ chức bắt đầu có những sự bất đồng về đường lối, quan điểm, phương thức thực hiện chấn hưng Phật

giáo, Hòa thượng cũng đã lên tiếng kêu gọi các tăng ni, Phật tử hãy đề cao tinh thần lục hòa.

Trong bài “Học Phật cần phải hòa bình”, Hòa thượng viết: Ngày nay cách Phật đã xa, lòng người thay đổi (biếng nhác) đã làm cho Đạo pháp ngày một suy đồi, phong hoá ngày càng xuống cấp. Người thì mê tài, kẻ mê sắc, người bán lợi, kẻ mua danh, say sưa trong giấc mộng hồn, không hề tỉnh ngộ, chìm đắm giữa dòng tham ái. Than ôi, Phật pháp đã thành ra như vậy, ai là người ưu thời mẫn thế lại chẳng đau lòng, xót dạ lo tìm phương cứu chữa hay sao. Vậy nên các bậc danh y trong tông lâm mới đem tất cả các dược phẩm trong nhà Phật ra để nghiên cứu và bào chế nên các lớp hoàn tán “Từ Bi” (ý là chỉ Từ Bi Âm của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học), lớp luyện đơn Đuốc Tuệ (cơ quan ngôn luận của Hội Phật giáo Bắc Kỳ), người nấu cao Viên Âm (cơ quan ngôn luận của Hội An Nam Phật học), người nghiền tán Duy Tâm (cơ quan ngôn luận của Hội Lương Xuyên Phật học)... Mỗi phương thuốc đều có những công dụng riêng để chữa trị cho các chứng bệnh thất tình (hỉ, nộ, ai, lạc, ái, ác, dục), ngũ dục (dục vọng, tài sắc, danh thực thùy) mà cứu thân bệnh và tâm bệnh cho chúng sinh. Bởi các danh y trong nhà Phật ai cũng dùng Bát chánh, Tứ nhiếp, Lục độ, Thập nhị nhân duyên và Tứ đế, các khoa đố mà tinh chế ra cao đơn, hoàn tán khác nhau. Nhưng khác là khác ở phương pháp áp dụng chứ không phải là phương thuốc này hay, phương thuốc kia dở. Hướng gì trong từng loại thuốc lại có thứ công, thứ bổ, có thứ bổ mà công, có thứ công mà bổ, công với bổ là tùy theo bệnh tình. Nếu đúng bệnh thì thuốc nào cũng thấy hiệu nghiệm. Ngặt vì người dùng thuốc thường hay mê chấp. Hễ dùng cao đơn thì nhất định nói cao đơn là ưu việt mà xem thường hoàn tán. Còn người dùng hoàn tán thì quyết nâng cao vai trò cho bằng được mà xem thường cao đơn. Vì tệ thiên chấp ấy mà đã gây nên bao sự bất bình thật là đau đớn giữa các nhà danh y trong Phật giáo. Tại sao mà Thích tử này lại dám quả quyết như thế? Bởi vì thấy những nhà dùng cao đơn thì lại lấy độc dược mà pha vào hoàn tán, còn những nhà dùng hoàn tán thì lại lấy tiên phẩm mà chế vào cao đơn, rồi đánh trống hô hào, đua danh, cướp lợi, bênh vực phương thuốc này có giá trị cao, đánh đổ phương thuốc nọ cho mất thanh danh; làm bài xung đột, viết báo phẩm bình, cò giáo tranh đua nhau trên trường ngôn luận mà làm cho nhà nghiên cứu phải rợn rùng,

cửa đạo thêm bồi rồi. Thích tử xin những người sử dụng được phòng trong tông lâm nên lấy công tâm mà quan sát, dùng hoà khí mà thực hiện, đem tất cả các phương vị được phòng của Phật giáo về làm thành một hội cứu thế, hợp tất cả các loại cao đơn, hoàn tán lại mà phổ tế cho chúng sinh, đừng sân, đừng si, đừng tranh thắng phụ, đừng trách thị phi thì tự nhiên trời quang mây tạnh, bốn biển một màu, Phật pháp tăng quang, hòa bình xuất hiện [Trang Quảng Hưng, 1936: 35-36].

### **Kết luận**

Như vậy có thể thấy rằng, khi nói đến vai trò tiên phong trong việc vận động chấn hưng, cải cách Phật giáo Việt Nam thì cần phải đề cập đến các nhân vật như Viên Hoành, Phủ Hàm, Huỳnh Thái Cửu, Ngô Trung Tín, Nguyễn Kim Định cùng chư vị Hòa thượng Khánh Hòa, Huệ Quang, Hoàng Nghĩa, Thanh Ân, Từ Văn, Bửu Chung. Mặc dù các quan điểm nêu ra còn nhiều hạn chế nhưng đã tác động rất lớn đến tinh thần và lòng tự tôn của các tăng ni, Phật tử, các nhà trí thức lẫn những người mến mộ đạo Phật đương thời. Trong đó, trực tiếp nhất là sự xuất hiện các chương trình chấn hưng, cải cách của Nguyễn Mục Tiên, sư ông Tâm Lai, Thiện Chiếu... Và ở miền Trung lúc này là Hòa thượng Trang Quảng Hưng. Chính Hòa thượng là một trong những nhân vật tiên phong trong vận động, thực hiện chấn hưng Phật giáo ở miền Trung. Vai trò tiên phong của Hòa thượng được thể hiện ở việc nhận thức được những hạn chế có tính căn cốt đã làm suy yếu Phật giáo để từ đó vận tập lực lượng, chuẩn bị các phương tiện và điều kiện cần thiết để khắc phục; qua việc xác định được những nội dung có tính trọng tâm mà công cuộc chấn hưng Phật giáo miền Trung cần phải thực hiện như: Giáo dục, đào tạo tăng tài, Việt hoá kinh sách Phật giáo, chấn chỉnh phương thức tu tập, sinh hoạt truyền thống cho người Phật tử. Và đây cũng chính là những nội dung rất cơ bản mà phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam sau khi được phát động đã tập trung mọi nỗ lực để thực hiện. Một điều thú vị nữa là trong số các nhân vật tiêu biểu cho quá trình vận động chấn hưng Phật giáo miền Trung thì Hòa thượng Trang Quảng Hưng là nhân vật đầu tiên cụ thể hoá quan điểm, lập trường của mình trên báo chí. Mặc dù đây chỉ mới là những phác thảo bước đầu song nó cũng đủ để minh chứng cho lòng nhiệt tâm của Hòa thượng trước tiền đồ của Đạo pháp./.

**CHÚ THÍCH:**

- 1 Các chùa tham gia đóng quỹ trong lần này là: Tiên Linh (Mỏ Cày) 30 đồng, Phước Sơn (Mỏ Cày) đóng 30 đồng, Vạn Cổ (Vĩnh Long) 30 đồng, Long Hòa (Tiểu Cần) 30 đồng, Phước Long (Bến Tre) 30 đồng, Long Khánh (Trà Vinh) 30 đồng, Long Phước (Bạc Liêu) 30 đồng, Viên Giác (Bến Tre) 20 đồng, Bình An (Long Xuyên) 20 đồng, Phước Thạnh (Cái Bè) 20 đồng, Long Phước (Sóc Trăng) 20 đồng, Khánh Hòa (Cao Một) 20 đồng, Long An (Sa Đéc) 20 đồng, An Phước (Sa Đéc) 20 đồng, Liên Trì (Bến Tre) 10 đồng, Bảo Lâm (Mĩ Tho) 10 đồng, Phú Châu (Cái Bè) 10 đồng, Kim Tiên (Cai Lậy) 10 đồng, Long Thiên (Vĩnh Long) 10 đồng (tổng cộng 400 đồng).
- 2 Số tiền còn lại lúc này là 270 đồng (do có một vị hòa thượng đã rút lại 30 đồng, một số vị khác thì mượn tiền của Hội nhưng không trả lại) và các thành viên bằng lòng trao tặng cho chùa Linh Sơn để xây dựng Thư xã và ngôi Pháp Bảo Phương nhằm lưu trữ 3 tạng kinh sách.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trần Văn Bích (1928), “Một cảnh chùa tốt cho việc chấn hưng Phật học ở Tourane”, *Đông Pháp Thời báo*, số 723.
2. Thiện Chiếu (1927), “Cái vấn đề chấn hưng Phật giáo nước nhà”, *Đông Pháp Thời báo*, số 533.
3. Huỳnh Thái Cửu (1923), Ảnh hưởng của bài Phật giáo lược khảo, *Đông Pháp Thời báo*, số 73.
4. *Đông Pháp* (1927), số 441.
5. Khánh Hòa (1929), “Tự trần”, *Pháp Âm*, số 1.
6. Khánh Hòa (1937), “Người mượn chữ lục hòa cách đây mười năm về trước”, *Duy Tâm Phật học*, số 16.
7. Hội Lương Xuyên Phật học (1936), “Tiểu sử ông Huỳnh Thái Cửu”, *Duy Tâm Phật học*, số 12.
8. Viên Hoành (1923), “Lược khảo về cách tu trong Phật giáo”, *Đông Pháp Thời báo*, số 59.
9. Viên Hoành (1923), “Lược khảo về cách tu trong Phật giáo”, *Đông Pháp Thời báo*, số 60.
10. Viên Hoành (1923), “Lược khảo về cách tu trong Phật giáo”, *Đông Pháp Thời báo*, số 61.
11. Viên Hoành (1923), “Lược khảo về cách tu trong Phật giáo”, *Đông Pháp Thời báo*, số 62.
12. Trang Quảng Hưng (1927), “Việc chấn hưng Phật giáo ở Trung Kỳ”, *Đông Pháp*, số 455.
13. Trang Quảng Hưng (1928), “Chấn hưng Phật học”, *Đông Pháp Thời báo*, số 459.

14. Trang Quảng Hưng (1928), “Luận về vấn đề Phật học giáo dục”, *Đông Pháp Thời báo*, số 671.
15. Trang Quảng Hưng (1930), *Bác nhĩ tịnh tâm văn*, nhà in Tiếng Dân, Huế.
16. Trang Quảng Hưng (1930), *Luật ông thầy chùa*, nhà in Tiếng Dân, Huế.
17. Trang Quảng Hưng (1930), *Tịnh độ khuyến tu*, nhà in Tiếng Dân, Huế.
18. Trang Quảng Hưng (1935), “Chư phương lai cáo: Vài ý kiến đối với Phật giáo Tổng hội”, *Từ Bi Âm*, số 96.
19. Trang Quảng Hưng (1936), “Chư phương lai cáo: Học Phật cần phải hòa bình”, *Từ Bi Âm*, số 103.
20. Nguyễn Mạnh Bồng (1927), “Muốn chấn hưng Phật giáo ngày nay nên làm thế nào cho hiệu quả”, *Đông Pháp Thời báo*, số 544.
21. Nguyễn Mạnh Bồng (1927), “Muốn chấn hưng Phật giáo ngày nay nên làm thế nào cho hiệu quả”, *Đông Pháp Thời báo*, số 545.
22. Nguyễn Mạnh Bồng (1927), “Muốn chấn hưng Phật giáo ngày nay nên làm thế nào cho hiệu quả”, *Đông Pháp Thời báo*, số 546.
23. Nguyễn Mạnh Bồng (1927), “Muốn chấn hưng Phật giáo ngày nay nên làm thế nào cho hiệu quả”, *Đông Pháp Thời báo*, số 547.
24. Huệ Thanh (1929), “Một buổi hội tăng già tại Linh Sơn tự”, *Phật hóa Tân Thanh niên*, số 1.
25. Nguyễn Mục Tiên (1927), “Nên chấn hưng Phật giáo ở nước nhà”, *Đông Pháp Thời báo*, số 529.
26. Thích Như Tịnh (2008), *Hành trạng chư thiền đức xứ Quảng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
27. Thiện Tông (1927), “Nên chấn hưng Phật giáo nước nhà”, *Đông Pháp Thời báo*, số 538.
28. Đinh Thị Toan (2016), “Hành trạng Thiền sư Thích Quảng Hưng qua gia phả và văn bia chùa Từ Vân”, *Tạp chí Văn hoá Phật giáo*, số 247.
29. Tiên Lữ Động Tụ (1927), *Chấn hưng Phật giáo*, Long Quang Ấn quán Hà Nội xuất bản.
30. T.V (1924), Ảnh hưởng của bài Phật giáo lược khảo, *Đông Pháp Thời báo*, số 100.

**Abstract****VENERABLE TRANG QUANG HUNG WITH THE PROCESS  
OF CAMPAIGNING AND REVITALIZING BUDDHISM IN  
THE CENTRAL REGION OF VIETNAM****Duong Thanh Mung***Faculty of Religion and Ethnic**The 3th Academy of Politics, Danang*

The study was carried out based on archival sources, and monographs from the proposals for Buddhist reform until 1945. The research results show that the idea of reviving and reforming Vietnamese Buddhism appeared in 1923. The earliest ideas were shown in the articles of Vien Hoanh in *Đông Pháp Thời Báo* (Le Courier Indochinois). Then, they were the policies of establishing the Luc Hoa Association of Venerable Khanh Hoa, the programs to revive the Buddha's Dharma by Phu Hoi, Huynh Thai Cuu, Ngo Trung Tin, Nguyen Kim Dinh in the South, they were gradually spread to the North with characters such as Tam Lai, Nguyen Manh Bong and finally to the Central region with the role of Venerable Trang Quang Hung. After more than 8 years of persistent campaigning, the movement to revive Buddhism in Vietnam was finally realized by the emergence of Buddhist organizations in all three regions of the country.

**Keywords:** Revival; Buddhism; Danang; central region; Vietnam.